

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST

Ngày 22-11-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, TP.HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đăng Trình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Bà Hoàng Thị Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân quận K, Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 908/2019/QĐXXST-DS ngày 21/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 948/2019/QĐST-DS ngày 07/11/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây gọi tắt VPBank); trụ sở: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lương Minh T, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, Văn bản ủy quyền số 8299/2019/UQ-VPB ngày 04/11/2019, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị H; địa chỉ: Tổ TĐ 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/02/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V trình bày: Bà Phạm Thị H vay của VPBank Trường Chinh theo đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số CN/VN 0010256/201611/2 ngày 04/11/2016, giải ngân theo văn bản số LD1632201346 ngày 17/11/2016 (sau đây gọi tắt là hợp đồng tín dụng số LD 1632201346) ngày 17/11/2016; và vay của VPBank theo giấy đề nghị phát hành

thẻ kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế số 256-P-646941 ngày 23/02/2017, giải ngân ngày 06/3/2017 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng thẻ tín dụng số 256-P-646941 ngày 06/3/2017), cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số LD 1632201346) ngày 17/11/2016: Số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, mục đích sử dụng: vay tiêu dùng, lãi suất 30%/năm, lãi suất được điều chỉnh theo biên độ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Hợp đồng thẻ tín dụng số 256-P-646941, ngày 06/3/2017; số tiền vay 69.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, mục đích sử dụng: vay tiêu dùng, lãi suất vay 3,99%/tháng; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm bà Phạm Thị H đã trả được số tiền của Hợp đồng tín dụng số LD 1632201346 ngày 17/11/2016: Tiền gốc là: 11.091.617 đồng; tiền lãi là 35.184.942 đồng; cộng là 46.276.559 đồng. Hợp đồng thẻ tín dụng số 256-P-646941, ngày 06/3/2017: Tiền gốc là 1.450.000 đồng, tiền lãi là 5.500.000 đồng; cộng là 6.950.000 đồng. Sau đó bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và 02 khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/11/2019, bà H còn nợ VPBank số tiền của từng hợp đồng là:

Hợp đồng tín dụng số LD 1632201346, ngày 17/11/2016, giải ngân ngày 17/11/2016: Tiền nợ gốc là 188.908.383 đồng, nợ lãi trong hạn là: 4.425.807 đồng, nợ lãi quá hạn là 202.069.787 đồng, cộng là 206.495.594 đồng.

Hợp đồng thẻ tín dụng số 256-P-646941, ngày 06/3/2017: Tiền nợ gốc là 67.550.000 đồng; nợ lãi quá hạn là 114.864.446 đồng, cộng là 182.414.446 đồng.

Tổng cộng cả 02 hợp đồng là: Tiền nợ gốc: 256.458.383 đồng; tiền nợ lãi trong hạn là: 4.425.807 đồng, lãi quá hạn là 316.934.233 đồng. Tổng cộng là 577.818.423 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà H phải trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm đối với 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên là 577.818.423 đồng và tiếp tục phải trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả nợ xong.

Bị đơn là bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà H đều vắng mặt, nên không có lời khai. Tuy nhiên, trong Biên bản làm việc giữa đại diện VPBank và bà Phạm Thị H ngày 20/8/2018 thì bà H đã nhận nợ và đề nghị VPBank miễn giảm tiền lãi, bà đồng ý trả nợ tiền gốc mỗi tháng 5.000.000 đồng, nhưng đại diện VPBank không đồng ý.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Hải Phòng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã cơ bản thực hiện đúng quy định của pháp luật. Kiểm sát viên không đưa ra quan điểm giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1] Đây là vụ án Dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn là bà Phạm Thị H, cư trú tại tổ TĐ 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà H đều vắng mặt cho nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được. Bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng tín dụng số CN/VN 0010256/201611/2 ngày 04/11/2016 được ký kết trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nhưng Hợp đồng đang được thực hiện phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010 ngày 16/06/2010 và Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện:

Ngân hàng VPBank đã ký Hợp đồng tín dụng số LD 1632201346, ngày 17/11/2016 cho bà Phạm Thị H vay Số tiền vay: 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, mục đích sử dụng: vay tiêu dùng, lãi suất 30%, lãi suất được điều chỉnh theo biên độ và Hợp đồng thế tín dụng số 256-P-646941 ngày 23/02/2017, giải ngân ngày 06/3/2017; số tiền vay 69.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, mục đích sử dụng là vay tiêu dùng. Hợp đồng tín dụng không có tài sản bảo đảm. Hợp đồng tín dụng được ký kết bởi người có thẩm quyền, nội dung và hình thức đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội. Các bên đương sự ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay cưỡng ép. Do đó hợp đồng phát sinh hiệu lực, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm bà Phạm Thị H còn nợ VPBank số tiền của từng hợp đồng là:

Hợp đồng tín dụng số LD 1632201346, ngày 17/11/2016, giải ngân ngày 17/11/2016: Tiền nợ gốc là 188.908.383 đồng, nợ lãi trong hạn là: 4.425.807 đồng, nợ lãi quá hạn là 202.069.787 đồng, cộng là 206.495.594 đồng.

Hợp đồng thế tín dụng số 256-P-646941, ngày 06/3/2017: Tiền nợ gốc là 67.550.000 đồng; nợ lãi quá hạn là 114.864.446 đồng, cộng là 182.414.446 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà H phải trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm

đối với Tổng cộng cả 02 hợp đồng là: Tiền nợ gốc: 256.458.383 đồng; tiền nợ lãi trong hạn là: 4.425.807 đồng, lãi quá hạn là 316.934.233 đồng. Tổng cộng là 577.818.000 đồng (làm tròn số) và tiếp tục phải trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa trả, theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả nợ xong. Yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 463, 464, 465, 466; 467, 470, 688 của Bộ luật dân sự 2015, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VPBank được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp được trả lại.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 12, 30, 51, 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010 ngày 16/06/2010; các các điều 463, 464, 465, 466; 467, 470, 688 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, buộc bà Phạm Thị H phải thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền nợ gốc là: 256.458.383 đồng; tiền nợ lãi trong hạn là: 4.425.807 đồng, lãi quá hạn là 316.934.233 đồng, tổng cộng là 577.818.000 đồng (Năm trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm mười tám nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0007706 ngày 17/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, Hải Phòng.

- Bà Phạm Thị H phải chịu 27.113.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu một trăm mười ba đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận K;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Chi cục THA Dân sự K;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đăng Trình